

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **120/2017/HSST**

Ngày: 01/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Nữa.
2. Bà Vũ Thị Hiệp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Nguyễn Hạnh Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 155/2017/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Trung Q**; Giới tính: nam; Sinh năm: 1986; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: không xác định; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông: Đỗ Thành L (chết) và bà: Nguyễn Thị H; Có vợ: là bà Nguyễn Thị Hồng T và con: có 01 người con sinh năm 2013; Tiền sự: không; Tiền án: - ngày 23/5/2007, bị Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 58/2007/HSST), bị cáo kháng cáo và ngày 23/8/2007, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Thành phố HCM xử giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số: 454/2007/HSPT); - ngày 08/8/2007, bị Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố HCM xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 130/2007/HSST); - ngày 29/5/2013, bị Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 129/2013/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/9/2016 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 1296/GCN của Trại giam TĐ); Bị bắt tạm giam ngày 24/5/2017.

(có mặt)

2. **Phan Sỹ K** (tên thường gọi là Gia); Giới tính: nam; Sinh năm: 1989; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 156/7P đường THT, Phường O, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 382/12/20A đường TKTQ, phường SK, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con

ông: Phan Ngọc T và bà: Chế Thị L; Có vợ: không và con: không; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị bắt tạm giam ngày 13/6/2017.

(có mặt)

Người bị hại:

Em Kiên Huỳnh Nhật P; Sinh ngày: 14/10/2002; Trú tại: 120/4A6 đường THĐ, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

Người đại diện hợp pháp của em Kiên Huỳnh Nhật P:

Bà Kiên Thị Ngọc T; Sinh năm: 1981 - Là mẹ của em Kiên Huỳnh Nhật P; Trú tại: 120/4A6 đường THĐ, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Kiên Thị Diễm T; Sinh năm: 1979; Trú tại: 269A đường ĐNC, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Bùi Hoàng Trúc P (Mai); Sinh năm: 1988; Thường trú: 93 đường BH, Phường O, Quận X, Thành phố HCM; Chỗ ở: 575/47/49 đường CMTT, Phường O, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Hồng T; Sinh năm: 1979; Thường trú: 107/19/3 đường Phạm Văn H, Phường C, quận TB, Thành phố HCM; Chỗ ở: 25/18 đường ĐT, Phường F, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NHẬN THẤY

Các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 24/5/2017, Phan Sỹ Khoa điều khiển xe gắn máy biển số 59K1-723.90 chở Đỗ Trung Q lưu thông trên đường THĐ. Khi đến chung cư 78, đường THĐ, Phường N, Quận X, Quân phát hiện có chiếc xe gắn máy hiệu SH mode, biển số 59K1-65641 đang dựng trước nhà số 001 Lô A mà không có người trông coi, nên chỉ cho K thấy, đồng thời rủ K lấy trộm chiếc xe bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, Khoa đồng ý và đứng canh giới, còn Q xuống xe đi bộ đến dùng cây đoản gấu trong túi áo ra bẻ ổ khóa xe. Sau đó, Q điều khiển xe gắn máy biển số 59K1-65641, K điều khiển xe gắn máy biển số 59K1-723.90 cùng tẩu thoát. Ngay lúc này, lực lượng trinh sát Phòng PC45 Công an Thành phố HCM trên đường tuần tra phát hiện hành vi của Q và K nên đuổi theo đến trước nhà số 1343 đường LLQ, Phường K, quận TB thì bắt giữ được Q giao Công an Phường N, Quận F giải quyết. Riêng K chạy thoát, nhưng đến ngày 11/6/2017, qua truy xét, Công an Quận F đã bắt được K.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6: Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K đều khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng khai cũng tương tự.

Tại Văn bản số: 902/TCKH ngày 02 tháng 6 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận F thống nhất giá như sau: 01 xe SH mode, biển số 59K1-65641, tình trạng xe còn 80%, có giá trị là: 35.700.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 98/CTr-VKS ngày 07 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đỗ Trung Q về tội « Trộm cắp tài sản » theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; truy tố bị cáo Phan Sỹ K về tội « Trộm cắp tài sản » theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K đều khai nhận chính các bị cáo vào tối ngày 24/5/2017, đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe gắn máy hiệu SH mode, biển số 59K1-65641 tại trước nhà số 001 Lô A, chung cư 78, đường THĐ, Phường N, Quận F như bản cáo trạng nêu và các bị cáo đồng ý bồi thường chi phí sửa xe theo yêu cầu của bà Kiên Thị Diễm T;

Người bị hại Kiên Huỳnh Nhật P xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe gắn máy biển số 59K1-65641 cho dì của em là bà Kiên Thị Diễm T. Tuy nhiên, chiếc xe đã bị bể gãy ổ khóa công tắc, bể bửng chắn gió và gác chân bên phải, nên em P yêu cầu các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K phải bồi thường tiền chi phí sửa xe cho bà T tổng cộng là 4.000.000 đồng. Ngoài ra, em không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Đỗ Trung Q từ 04 năm đến 05 năm tù về tội « Trộm cắp tài sản » theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Phan Sỹ K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội « Trộm cắp tài sản » theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Không phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K liên đới bồi thường cho bà Kiên Thị Diễm T chi phí sửa chiếc xe gắn máy hiệu SH mode, biển số 59K1-65641 là 4.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe gắn máy có số khung RLHHC1201BY619143, không xác định được số máy nguyên thủy (loại xe Wave, sơn màu đỏ).

Tịch thu tiêu hủy: 01 dao xếp kim loại màu trắng; 01 ống tuýp lục giác hình chữ L, dài khoảng 12cm; 01 mũi đoản tự chế có mũi đẹp dài khoảng 8cm và 01 biển số xe 59K1-723.90 giả.

Trả lại bị cáo Đỗ Trung Q 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 2730c, vỏ màu đen, số Imei: 354343/04/261377/4 và 01 sim điện thoại số thuê bao 01222615966.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người bị hại.

XÉT THẤY

Đối chiếu lời khai của các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K; của người bị hại Kiên Huỳnh Nhật P tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Kiên Thị Diễm T; của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K đã phạm tội « Trộm cắp tài sản ». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K đã lợi dụng sự sơ hở của em Kiên Huỳnh Nhật P, lén lút chiếm đoạt của em P 01 chiếc xe gắn máy hiệu SH mode, biển số 59K1-65641 trị giá 35.700.000 đồng tại trước nhà số 001 Lô A, chung cư 78, đường THĐ, Phường N, Quận F vào tối ngày 24/5/2017. Hành vi này của các bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Mặt khác, bị cáo Đỗ Trung Q đã tái phạm (có 03 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản), chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý là « tái phạm nguy hiểm ». Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đỗ Trung Q về tội: « Trộm cắp tài sản » theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; truy tố bị cáo Phan Sỹ K về tội: « Trộm cắp tài sản » theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do có lối sống buông thả, tham lam, lười lao động mà lại muốn có nhiều tiền để tiêu xài và nhất là xem thường pháp luật, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

Đây là vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn, với bị cáo Đỗ Trung Q là người rủ rê, xúi giục và trực tiếp dùng đoản bẻ ổ khóa công tắc xe để chiếm đoạt tài sản. Còn bị cáo Phan Sỹ K là đồng phạm giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Đỗ Trung Q thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Phan Sỹ K, ngày 30/11/2011 bị Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 176/2011/HSST), đến năm 2012 bị cáo chấp hành xong bản án. Mặc dù lần phạm tội này bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích thì coi như chưa bị kết án, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K, Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản đã được thu hồi trả người bị hại); tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình đối với vai trò của từng bị cáo theo quy định tại điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự, thì các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét các bị cáo đều không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Việc bồi thường thiệt hại: Xét yêu cầu của bà Kiên Thị Diễm T đòi các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K bồi thường cho bà chi phí sửa chiếc xe gắn máy hiệu SH mode, biển số 59K1-65641 tổng cộng là 4.000.000 đồng (các bị cáo dùng đoạn bê gãy ổ khóa công tắc, làm hư hỏng bửng chắn gió và gác chân bên phải, ...). Và mặc dù bà T không có hóa đơn chứng từ, nhưng tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc các bị cáo bồi thường cho bà T số tiền mà bà T yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bà Kiên Thị Diễm T có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K còn phải trả bà Kiên Thị Diễm T khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc xử lý vật chứng: Chiếc xe gắn máy biển số 59K1-723.90 mà các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K sử dụng làm phương tiện phạm tội, theo Kết luận giám định số 8115/KLGD-X(Đ3) ngày 15/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phiếu trả lời xác minh ngày 25/9/2017 của Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc xe này có số khung RLHHC1201BY619143, không xác định được số máy nguyên thủy (loại xe Wave, sơn màu đỏ) và không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 30/7/2017, Cơ quan điều tra Công an Quận F đã đề nghị thông báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe trên Báo Công an Thành phố HCM, nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận. Còn bà Bùi Hoàng Trúc P khai mua chiếc xe này tại cửa hàng

trên đường Nguyễn Tri P, Quận E (bà không xác định được địa chỉ) với giá 15.000.000 đồng và xe không có giấy tờ, không có biển số. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy nói trên là xe cấm lưu hành, xe không xác định được chủ sở hữu cũng như người quản lý hợp pháp, nên Hội đồng xét xử tịch thu, sung quỹ Nhà nước chiếc xe theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Riêng biển số 59K1-723.90 là biển số giả, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, vì theo Phiếu trả lời xác minh ngày 06/6/2017 của Công an Quận F thì biển số 59K1-723.90 thật là của chiếc xe gắn máy có số máy HC09E-5777653, số khung RLHHC09097Y-677749 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RS, sơn màu Đỏ-Đen-Bạc, dung tích 97), do ông Đỗ Tấn Q, sinh năm 1982, trú tại 628/14B đường HG, Phường L, Quận F đứng tên chủ xe và hiện ông Q vẫn còn đang sử dụng.

Còn 01 dao xếp kim loại màu trắng; 01 ống tuýp lục giác hình chữ L, dài khoảng 12cm; 01 mũi đoản tự chế có mũi dẹp dài khoảng 8cm, là công cụ bị cáo Đỗ Trung Q dùng vào việc phạm tội, là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 2730c, vỏ màu đen, số Imei: 354343/04/261377/4 (có sim điện thoại số thuê bao 01222615966) thu giữ của bị cáo Đỗ Trung Q. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo, vì chiếc điện thoại này là tài sản riêng của bị cáo, không đủ căn cứ xác định bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận trả lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo hai Phiếu nhập kho vật chứng số: 102/PNK ngày 28 tháng 6 năm 2017 và số: 134/PNK ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Công an Quận F - BL164, 188).

Các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K** (Gia) phạm tội: « Trộm cắp tài sản ».

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Trung Q** 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Phan Sỹ K** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Đỗ Trung Q** bồi thường cho bà Kiên Thị Diễm T 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Buộc bị cáo **Phan Sỹ K** bồi thường cho bà Kiên Thị Diễm T 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Kiên Thị Diễm T có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo **Đỗ Trung Q**, **Phan Sỹ K** chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo **Đỗ Trung Q**, **Phan Sỹ K** còn phải trả bà Kiên Thị Diễm T khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy, số khung RLHHC1201BY619143, không xác định được số máy nguyên thủy (loại xe Wave, sơn màu đỏ).

- Áp dụng điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao xếp kim loại màu trắng; 01 (một) ống tuýp lục giác hình chữ L, dài khoảng 12cm; 01 (một) mũi đoản tự chế có mũi đẹp dài khoảng 8cm và 01 (một) biển số xe 59K1-723.90 giả.

- Áp dụng khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo **Đỗ Trung Q** 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 2730c, vỏ màu đen, số Imei: 354343/04/261377/4 và 01 (một) sim điện thoại số thuê bao 01222615966.

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo **Đỗ Trung Q** phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo **Phan Sỹ K** phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Đỗ Trung Q, Phan Sỹ K; người bị hại Kiên Huỳnh Nhật P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người đ/d hợp pháp của người bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên